

Số: 120/BC-SD3-HĐQT

Gia Lai, Ngày 30 tháng 3 năm 2016

## BÁO CÁO

CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3  
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016  
THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ĐHĐCĐ

### Căn cứ:

- Nghị quyết số 01/NQ-SD3-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015;
- Văn bản số 21/TCT-TCKT ngày 07/01/2016 của Tổng công ty Sông Đà về việc hướng dẫn ĐHĐCĐ thường niên năm 2016;
- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty cổ phần Sông Đà 3;
- Các chỉ tiêu phản ánh trên báo cáo tài chính năm 2015 của đơn vị đã được kiểm toán do Công ty TNHH kiểm toán An Việt – Chi nhánh Hải Phòng;
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty cổ phần Sông Đà 3.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 3 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua các vấn đề cụ thể như sau:

### I. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015:

#### 1) Tình hình thực hiện một số các chỉ tiêu kế kinh tế:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % HT
<b>A</b>	<b>KẾ HOẠCH SXKD</b>				
<b>I</b>	<b>Tổng giá trị SXKD</b>	10 <sup>6</sup> đ	450.000	984.172	219%
1	Xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	394.000	823.180	
2	Phục vụ xây lắp	10 <sup>6</sup> đ	12.000	160.992	
3	Sản xuất công nghiệp	10 <sup>6</sup> đ	43.000		
<b>II</b>	<b>Kế hoạch tài chính</b>				
1	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	459.000	893.751	195%
2	Nộp ngân sách	10 <sup>6</sup> đ	24.000	17.231	72%
3	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	16.000	15.165	95%
4	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>6</sup> đ	12.480	8.247	
5	Tỷ suất lợi nhuận				
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	4,3	2,8	
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,9	0,7	



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015		
			7,8	5,1	
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%			
6	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>6</sup> đ	293.000	291.655	
7	Vốn điều lệ	10 <sup>6</sup> đ	159.994	159.994	
8	Tổng tài sản	10 <sup>6</sup> đ	1.319.000	1.069.337	
9	Thu nhập bq CBCNV	10 <sup>3</sup> đ	6.324	7.287	115%
<b>B</b>	<b>KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ</b>	<b>10<sup>6</sup>đ</b>	<b>107.335</b>	<b>52637</b>	
1	Đầu tư góp vốn vào Công ty con	10 <sup>6</sup> đ	52.655	50.500	96%
2	Đầu tư Nâng cao năng lực XMTB	10 <sup>6</sup> đ	42.700		
3	Đầu tư sửa chữa lớn XMTB	10 <sup>6</sup> đ	11.980	2.137	18%

**2) Tình hình thực hiện công tác đầu tư:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % HT
1	Đầu tư góp vốn vào Công ty con	10 <sup>6</sup> đ	52.655	50.500	96%
2	Đầu tư Nâng cao năng lực XMTB	10 <sup>6</sup> đ	42.700		
3	Đầu tư sửa chữa lớn XMTB	10 <sup>6</sup> đ	11.980	2.137	18%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>107.335</b>	<b>52.637</b>	

**II. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2016**

**1) Các chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch SXKD:**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Ghi chú
1	Tổng giá trị sản xuất kinh doanh	379.500.000	
2	Doanh thu	460.200.000	
3	Lợi nhuận trước thuế	17.500.000	
4	Lợi nhuận sau thuế	14.000.000	
5	Tỷ suất lợi nhuận		
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	4,6%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,8%	



-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	8,8%	
6	Vốn chủ sở hữu	298.245.000	
7	Vốn điều lệ	159.994.000	
8	Tổng tài sản	997.600.000	
9	Nợ ngân sách	24.000.000	
10	Thu nhập bình quân của 1 CBCNV	7.608	
11	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	5,0%	

**2) Kế hoạch đầu tư:**

**Danh mục các dự án đầu tư:**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tên các dự án đầu tư	Đầu tư năm 2016	Ghi chú
1	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công	23.700.000	
2	Đầu tư sửa chữa lớn xe máy thiết bị	4.250.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>27.925.000</b>	

**III. Thông qua báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2015:**

**1) Thông qua báo cáo tài chính năm 2015 với các chỉ tiêu chủ yếu:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % HT
1	Tổng tài sản	10 <sup>6</sup> đ	1.319.000	1.068.937	81%
3	Tổng nợ phải trả	10 <sup>6</sup> đ	861.105	777.251	90,3%
a	Vay và nợ ngắn hạn	10 <sup>6</sup> đ	360.000	376.550	105%
b	Nợ dài hạn	10 <sup>6</sup> đ	25.678	25.678	100%
4	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>6</sup> đ	292.665	291.736	99,7%
a	Vốn điều lệ	10 <sup>6</sup> đ	159.993	159.993	100%
b	Các quỹ	10 <sup>6</sup> đ	19.729	22.248	112,8%
c	Thặng dư vốn góp	10 <sup>6</sup> đ	100.029	100.029	100%
d	LN còn lại chưa phân phối	10 <sup>6</sup> đ	12.913	9.464	73,3%
5	Tỷ lệ LN trước thuế/VCHS	%	10,01%	9,48%	94,7%
6	Tỷ lệ lợi nhuận/Doanh thu	%	3,49%	1,7%	48,7%

**2) Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015:**



Đơn vị tính: đồng

TT	Các chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế	15,115,400,724	
	<i>Lợi nhuận chịu thuế TNDN</i>	<i>15,115,400,724</i>	
	<i>Lợi nhuận không chịu thuế TNDN</i>		
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6,868,306,842	
3	Lợi nhuận sau thuế	8,247,093,882	
4	Trích lập các quỹ	1,237,064,082	
a	Quỹ dự phòng tài chính (5%LNST)	412,354,694	
b	Quỹ đầu tư phát triển (5% LNST)	412,354,694	
c	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)	412,354,694	
d	Trích Quỹ khen thưởng Ban Điều hành Công ty (5%LN, nhưng không vượt 500 triệu)		
5	Lợi nhuận còn lại (3)-(4)	7,010,029,800	
6	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	1,137,233,766	
7	Tổng Lợi nhuận phân phối (5) +(6)	8,147,263,566	
8	Lợi nhuận chia cổ tức	7,999,678,000	
9	Vốn điều lệ Công ty	159,993,560,000	
10	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	5.0%	
11	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	147,585,566	

IV. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động 2015 và kế hoạch hoạt động năm 2016 của BKS.

V. Thông qua mức chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2015 và dự toán tổng mức thù lao HĐQT, BKS năm 2016:

1) Thông qua mức chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2015:

- Dự toán tổng mức lương + thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: 1.248.000.000 đồng tỷ lệ hoàn thành bình quân các chỉ tiêu là 100%;
- Tỷ lệ hoàn thành bình quân các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2015 (giá trị SXKD, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, thu



nhập bình quân) đạt 94%, tổng lương + thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện bằng 94% dự toán, tương ứng 1.173.120.000 đồng.

TT	Nội dung	Số lượng	Tiền lương 1 tháng theo mức 94% KH	Thù lao 1 tháng theo mức 94% KH	Tiền lương, thù lao theo tỷ lệ hoàn thành/người	Tổng thù lao theo tỷ lệ hoàn thành
a	b	l	2	3	$4 = \frac{(2 \times tlht + 3 \times tlht) \times}{12}$	$5 = 4 \times l$
1	Chủ tịch HĐQT (Chuyên trách)	1	44,180,000		530,160,000	530,160,000
2	Tổng giám đốc kiêm TVHĐQT	1	39,480,000		473,760,000	473,760,000
3	Thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát	2		7,050,000	84,600,000	169,200,000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4</b>	<b>83,660,000</b>	<b>7,050,000</b>	<b>1,088,520,000</b>	<b>1,173,120,000</b>

(Không chi trả thù lao thành viên HĐQT, ban kiểm soát làm việc kiêm nhiệm tại Công ty)

## 2) Thông qua dự toán tổng mức thù lao HĐQT, BKS năm 2016:

- Tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (Doanh thu, lợi nhuận) của Công ty  $\geq 100\%$  kế hoạch năm, dự toán tổng mức lương, thù lao thành viên HĐQT, thù lao Ban kiểm soát tối đa như sau:

TT	Nội dung	Lương/thù/người (Đồng)	Thù lao/thù/người (Đồng)
1	Chủ tịch HĐQT (Chuyên trách)	47,000,000	
2	Thành viên HĐQT		7,500,000
3	Trưởng ban kiểm soát		7,500,000
4	Thành viên BKS		5.000.000

(Đối với thành viên HĐQT, ban kiểm soát chuyên trách, nếu đã hưởng lương tại đơn vị thì không được hưởng thù lao).

- Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (doanh thu, lợi nhuận) của Công ty  $< 100\%$  kế hoạch năm: Lương, thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát được hưởng tương ứng với loại doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 23/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/8/2015.

## VI. Thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty:

- Điểm c Khoản 4 Điều 25 “Quyền hạn của HĐQT: “Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị **nhỏ hơn 50%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng hoặc giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc Tổng giám đốc; Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm



d, khoản 2, điều 135; khoản 1, khoản 3 điều 162 của Luật doanh nghiệp; Khoản 4 Điều 35 của Điều lệ này;"

- **Sửa đổi thành:** "Quyền hạn của HĐQT: "Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng hoặc giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc Tổng giám đốc; Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d, khoản 2, điều 135; khoản 1, khoản 3 điều 162 của Luật doanh nghiệp; Khoản 4 Điều 35 của Điều lệ này;"

**VII. Công tác nhân sự năm 2016 thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ:**

- Thông qua thôi giữ chức Kiểm soát viên và thôi giữ chức trưởng BKS đối với ông Phạm Xuân Thông.

- Thông qua thôi giữ chức Kiểm soát viên đối với ông Nguyễn Trung Kiên có đơn xin thôi thành viên Ban kiểm soát vì điều kiện công việc không đảm nhận được nhiệm vụ.

- Thông qua bổ nhiệm ông Tạ Duy Sơn: Thạc Sĩ quản trị kinh doanh - Cử nhân Tài chính kế toán. Sinh ngày 05/3/1976; Quê quán xã Thái An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, hiện đang giữ chức vụ trưởng Ban kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Sông Đà 3 – Bổ nhiệm giữ chức Kiểm soát viên và bầu là trưởng Ban kiểm Soát Công ty.

- Thông qua bổ nhiệm ông Trần Thế Anh Cử nhân Tài chính kế toán, sinh năm 1981, giữ chức kiểm soát viên thay ông Nguyễn Trung Kiên.

**VIII. Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2016.**

- Năm 2015 Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán An Việt – Chi nhánh Hải Phòng là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015; Đề nghị Đại hội đồng cổ đông năm ủy quyền cho HĐQT và BKS lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 phù hợp với quy định.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 3 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 thông qua.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch**



**Nguyễn Văn Bình**